

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh dự toán kinh phí hoạt động  
của Văn phòng Chương trình công nghệ sinh học năm 2011**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/09/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 202/2010/TT-BTC ngày 14/12/2010 của Bộ Tài chính về thực hiện dự toán đơn vị sử dụng ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 531/QĐ-BNN-TC ngày 22/03/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động của Văn phòng Chương trình công nghệ sinh học năm 2011; Quyết định số 587/QĐ-BNN-TC ngày 06/05/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chuyển số dự toán, dự tạm ứng năm 2010 sang năm 2011 của Văn phòng Bộ;

Xét đề nghị tại văn bản số 480/KHCN ngày 20/08/2011 của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc điều chỉnh dự toán chi tiết kinh phí hoạt động của Văn phòng Chương trình công nghệ sinh học năm 2011;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh dự toán chi tiết kinh phí hoạt động của Văn phòng Chương trình công nghệ sinh học năm 2011 như sau:

- Nguồn kinh phí: Sự nghiệp kinh tế nông nghiệp (Loại 010-013), kinh phí không tự chủ.

- Mã Chương trình: 0952

- Tổng kinh phí: **5.010.755.000 đồng** (Năm tỷ, mười triệu, bảy trăm năm mươi năm nghìn đồng), bao gồm:

Đơn vị: 1000 đồng

Nội dung	Dự toán đã phê duyệt (trước điều chỉnh)	Dự toán điều chỉnh	Ghi chú
Tổng số	5.010.755	5.010.755	
1. Hoạt động chung của Chương trình và Đề án	1.006.000	729.048	Phụ lục 1
2. Quản lý nhà nước các đề tài, dự án của Chương trình và Đề án	1.314.000	1.560.030	Phụ lục 2
3. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về Chương trình (bao gồm nâng cấp và xây dựng CSDL, phần mềm và Website)	1.392.755	1.192.755	Phụ lục 3
4. HTQT về CNSH thủy sản tại Liên bang Nga		560.000	Phụ lục 4

5. Chi khác (đăng quảng cáo mời thầu đề tài, dự án, bưu chính ...)	100.000	98.922	Ủy quyền cho Văn phòng Bộ phối hợp Vụ KHCN-MT phê duyệt dự toán chi tiết và thực hiện
6. Tạo lập thị trường công nghiệp CNSH (Đoàn ra Thụy Sĩ - Italia)	1.018.000	690.000	
7. Hợp tác quốc tế của Chương trình: Tham gia hội nghị, hội thảo, các khóa bồi dưỡng kiến thức quản lý chương trình của cán bộ văn phòng, cán bộ kiêm nhiệm có liên quan đến Chương trình tại nước ngoài	180.000	180.000	Văn phòng Bộ phê duyệt chi tiết dự toán đoàn ra


**Điều 2.** Căn cứ dự toán điều chỉnh, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Chánh Văn phòng Chương trình CNSH tổ chức thực hiện các nội dung công việc theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Chánh Văn phòng Chương trình CNSH và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

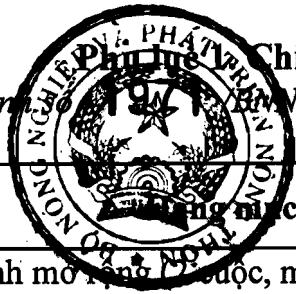
- Như Điều 3;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu VT, TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**



*[Handwritten signature]*

*Trần Bá Hồng*



### Chi tiết hoạt động chung

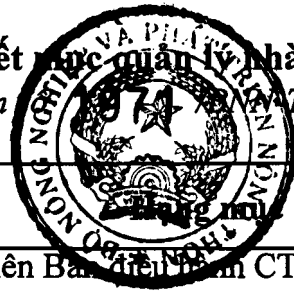
(Kèm theo Quyết định BNN-TC ngày 28/08/2011 của Bộ Nông nghiệp - PTNT)

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT		Điều chỉnh	Ghi chú
1	Hợp Ban điều hành mô hình nông nghiệp sạch, mỗi cuộc 2 buổi, 70 đại biểu) Chi tiết 1 cuộc họp: - Bồi dưỡng đại biểu họp: 70 x 140 = 9.800.000đ - Photocopy tài liệu: 150.000đ - Nước uống: 50.000đ Cộng: 10.000.000đ	10.000	
2	Hội nghị, hội thảo chuyên đề của Chương trình (Phổ biến nội dung, kiến thức công nghệ sinh học, phổ biến chủ trương, chính sách của Chương trình, hội thảo chuyên khảo về công nghệ sinh học)	180.000	
a	Hội thảo khoa học triển khai nội dung khoa học, khảo nghiệm cây trồng biến đổi gen của Chương trình tại Đà Nẵng	60.000	
b	Các cuộc họp, hội nghị, hội thảo khác liên quan đến nội dung Chương trình (triển khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, đào tạo của chương trình)	120.000	Ủy quyền cho Văn phòng Bộ
3	Hoạt động của Văn phòng Chương trình	109.048	phối hợp với Vụ KHCN-MT
a	Sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị văn phòng cho Văn phòng Công nghệ sinh học Nông nghiệp	30.000	duyệt dự toán chi tiết và thực hiện các nội dung
c	Văn phòng phẩm cho Văn phòng Công nghệ sinh học NN	30.000	
d	Mua sách, báo chuyên ngành công nghệ sinh học, văn bản quy phạm pháp luật khoa học công nghệ, từ điển, sách tra cứu, tra cứu tin tức, thông tin...	5.000	
e	Thuê hợp đồng lao động ngắn hạn, hợp đồng công việc phục vụ các nội dung chương trình (biên dịch tài liệu, dịch thuật, rà soát hồ sơ đào tạo...). Hệ số lương 2,34 x 12 tháng	19.048	
g	Điện thoại của văn phòng Công nghệ sinh học NN	25.000	
4	Công tác phí phục vụ kiểm tra, giám sát cho cán bộ của văn phòng, các Vụ có liên quan, hội đồng khoa học công nghệ, các tổ chức phục vụ Chương trình: Vận chuyển: 6.500đ/km, tại miền Nam thêm vé máy bay: 4.088.000đ/người/lượt Công tác phí (tiền ăn, tiền ngủ, lưu trú...) thực hiện theo Quyết định số 3565/QĐ-BNN-TC ngày 31/12/2010 của Bộ NN&PTNT	430.000	
	<b>Cộng</b>	<b>729.048</b>	

**Phụ lục 2. Chi tiết lập ngân sách nhà nước các đề tài, dự án của Chương trình**  
(Kèm theo Quyết định **TC** ngày 26/08/2011 của Bộ Nông nghiệp - PTNT)

Đơn vị tính: nghìn đồng



TT		Điều chỉnh	Ghi chú
1	<p>Phụ cấp cho thành viên Ban điều hành CT, nhân viên văn phòng, các cán bộ kiêm nhiệm thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT:                      Trưởng ban: 400.000đ/th x 12tháng = 4.800.000đ                      Phó ban : 2x350.000đ/th x 12tháng = 8.400.000đ                      Ủy viên thư ký: 300.000đ/th x 12tháng = 3.600.000đ                      Chánh văn phòng CT: 300.000đ/th x 12tháng = 3.600.000đ                      Các ủy viên, nhân viên văn phòng, cán bộ kiêm nhiệm (theo Quyết định số 682/QĐ-BNN-KHCN): 24 người x 250.000đ/tháng x 12 tháng = 72.000.000đ                      Tổng cộng 92.400.000 đ</p>	92.400	
2	Xây dựng đề bài được duyệt (48 nhiệm vụ x 1.500.000đ)	72.000	
3	Hội đồng KHCN tư vấn xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, thẩm định các đề tài, dự án.	1.195.630	
	<p><i>Dự toán chung 1 buổi họp Hội đồng theo thông tư 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN, Hội đồng dự kiến 9 thành viên, 1 thư ký hành chính</i>                      Chủ tịch: 300.000đ; 8 ủy viên: 8 x 200.000 = 1.600.000đ; 1 thư ký hành chính: 150.000 đ                      5 khách mời 5 x 70.000 = 350.000đ; Photocopy = 100.000đ, Nước uống: 15x15.000đ= 225.000đ                      Cộng = 2.725.000đ</p>		
a	<p>Hội đồng KHCN tư vấn xác định mục tiêu nhiệm vụ KHCN, thẩm định dự án (lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, vi sinh, chăn nuôi, thú y, thủy sản).                      30 buổi x 2.725.000đ</p>	81.750	
b	<p>Hội đồng KHCN tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án, thẩm định thông số trang thiết bị. (48 nhiệm vụ); Các Hội đồng KHCN tư vấn thẩm định, Hội đồng lựa chọn thông số kỹ thuật cho dự án tăng cường trang thiết bị (8 dự án )</p>	708.400	
	<p><i>Tính cho 1 nhiệm vụ, 2 hồ sơ, 2 phân biện. Họp 2 phiên.</i>                      Phiên 1- mở hồ sơ = 2.725.000đ                      Phiên 2- đánh giá: = 2.725.000đ                      2 phân biện x 450.000đ x 2 hồ sơ = 1.800.000đ                      9 nhận xét của thành viên Hội đồng x 300.000đ x2 hồ sơ= 5.400.000đ                      Cộng: 12.650.000đ</p>		
	Lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, vi sinh, chăn nuôi, thú y, thủy sản: 56 nhiệm vụ x 12.650.000 = 708.400.000đ		
c	Thẩm định nội dung tài chính nhiệm vụ KHCN	99.183	
	<p><i>Thẩm định các đề tài đã qua tuyển chọn (Hội đồng thẩm định 11 thành viên):</i>                      Họp 1 buổi/1 đề tài = 250.000đ + 10x200.000đ = 2.250.000đ                      Photocopy tài liệu: 100.000đ; Nước uống: 15000x11= 304.150đ                      Cộng 1 đề tài: 2.554.150đ</p>		


TT	Hạng mục	Điều chỉnh	Ghi chú
d	Hội đồng KHCN nghiệm thu đề tài, dự án kết thúc	302.250	
	(1 Hội đồng dự kiến 1 chủ tịch (400.000đ), 8 thành viên (2.400.000đ), 2 thư ký hành chính (300.000đ) 2 phân biện (2.000.000đ), 7 nhận xét của ủy viên (4.200.000đ), 2 chuyên gia (2.000.000đ), 5 đại biểu (350.000đ) (họp nghiệm thu 1 buổi), photocopy: 200.000đ, nước uống: 240.000đ Tổng cộng 12.090.000đ/ 1 hội đồng/ 1 đề tài		
	Lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, vi sinh, chăn nuôi, thú y, thủy sản: 25 nhiệm vụ x 12.090.000 = 302.250.000đ		
e	Dự phòng chi khác cho Tiểu mục	4.047	
4	Nghiên cứu xây dựng chính sách đánh giá và quản lý rủi ro vi sinh vật biến đổi gen sử dụng trong ngành nông nghiệp.	200.000	Giao Viện KHNN VN xây dựng dự toán và thực hiện
	<b>Tổng</b>	<b>1.560.030</b>	

### Phụ lục 3. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về Chương trình.

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Hạng mục	Điều chỉnh	Ghi chú
1	Xuất bản sách, tài liệu phổ biến kiến thức của Chương trình	92.000	Ủy quyền cho Văn phòng Bộ phối hợp với Vụ KHCN-MT duyệt dự toán chi tiết và thực hiện các nội dung
2	Xây dựng Chương trình phổ biến kiến thức công nghệ sinh học trên phương tiện thông tin đại chúng	300.000	
3	Nâng cấp và xây dựng cơ sở dữ liệu công nghệ sinh học nông nghiệp - thủy sản	492.755	
a	Thuê máy chủ trang web www.agrobiotech.gov.vn của nhà cung cấp dịch vụ.	100.000	
b	Nâng cấp phần mềm và Website công nghệ sinh học nông nghiệp - thủy sản.	392.755	
4	Cập nhật thông tin cho WEBSITE của Chương trình năm 2011	308.000	
	<b>Tổng</b>	<b>1.192.755</b>	

**Phụ lục 4. Chi tiết đoàn ra Hợp tác công nghệ sinh học lĩnh vực thủy sản tại Liên bang Nga**

(Kèm theo Quyết định  DNN-TC ngày 26/08/2011 của Bộ Nông nghiệp - PTNT)

TT	Nội dung chi	Số người	Số ngày	Thành tiền (USD)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Sinh hoạt phí Lãnh đạo Bộ	65	1	11	715	15.015.000
2	Sinh hoạt phí thành viên đoàn	60	5	11	3.300	69.300.000
3	Tiền khách sạn Lãnh đạo Bộ	70	1	10	700	14.700.000
4	Tiền khách sạn thành viên đoàn	65	5	10	3.250	68.250.000
5	Vé máy bay lãnh đạo Bộ	4500	1	1	4.500	94.500.000
6	Vé máy bay của thành viên đoàn	1700	5	1	8.500	178.500.000
7	Tiền cước phí quá cân của đoàn	100		1	100	2.100.000
8	Phương tiện ra sân bay	90	6	1	540	11.340.000
9	Phương tiện đi lại tại các địa điểm	50	6	1	300	6.300.000
10	Thuê phương tiện đi lại tại nơi làm việc	350	6	1	2.100	44.100.000
11	Điện thoại, internet	50		1	50	1.050.000
12	Phí bảo hiểm	30	6	1	180	3.780.000
13	Tiền visa	50	6	1	300	6.300.000
14	Thuê phiên dịch	100	1	9	900	18.900.000
15	Chi khác (Hộ chiếu, lệ phí sân bay, dự phòng...)					25.865.000
	<b>Tổng số</b>				<b>25.435</b>	<b>560.000.000</b>

Quy đổi ra tiền Việt (tỷ giá tạm tính 1 USD= 21.000 đ

Dự toán theo định mức Thông tư 91

5